

Đề thi thử THPT Quốc gia năm học 2015-2016 môn Hoá học lần 2 - Trường THPT Hàn Thuyên (Mã đề 136)

ĐỀ BÀI

Cho nguyên tử khối: H = 1; Li = 7; Be = 9; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; P = 31; S = 32; Cl = 35,5; Br = 80; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Ni = 58; Cu = 64; Zn = 65; Rb = 85; Sr = 88; Ag = 108; I = 127; Cs = 133; Ba = 137; Pb = 207.

Câu 1: Dung dịch của hợp chất nào sau đây **không** làm đổi màu giấy quì ẩm?

- A. CH_3NH_2 . B. $\text{C}_6\text{H}_5\text{ONa}$.
C. $\text{H}_2\text{NCH}_2\text{COOH}$. D. $\text{H}_2\text{N}-\text{CH}_2-\text{CH}(\text{NH}_2)\text{COOH}$.

Câu 2: Cho dung dịch các chất sau:

- a) H_2SO_4 loãng. b) HCl loãng. c) HNO_3 đậm đặc. d) HBr đặc, bốc khói.

Các dung dịch có phản ứng với $\text{CH}_3-\text{CH}_2-\text{CH}_2-\text{OH}$ là

- A. b, d B. c, d C. a, b, c D. b, c

Câu 3: Glucozơ **không** có tính chất nào sau đây?

- A. Tính chất của nhóm anđehit. B. Tính chất của ancol đa chức.
C. Tham gia phản ứng thủy phân. D. Lên men tạo ancol etylic.

Câu 4: Cho phản ứng hoá học: 4HNO_3 đậm nóng + $\text{Cu} \rightarrow \text{Cu}(\text{NO}_3)_2 + 2\text{NO}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$

Trong phản ứng này HNO_3 đóng vai trò

- A. Axit. B. môi trường. C. chất oxi hóa. D. chất oxi hóa và môi trường.

Câu 5: Trong mạng tinh thể kim loại có

- A. các ion dương kim loại, nguyên tử kim loại và các electron tự do.
B. các electron tự do.
C. các nguyên tử kim loại.
D. ion âm phi kim và ion dương kim loại

Câu 6: Loại phân hóa học nào sau đây khi bón cho đất làm tăng độ chua của đất?

- A. Đạm 2 lá (NH_4NO_3) B. Phân Kali (KCl)
C. Ure; (NH_2) $_2\text{CO}$ D. phân vi lượng

Câu 7: Cấu hình electron ở trạng thái cơ bản của nguyên tử $_{16}\text{X}$ là

- A. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^4$. B. $1s^2 2s^2 2p^5 3s^2 3p^4$. C. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^1 3p^5$. D. $1s^2 2s^2 2p^6 3s^2 3p^5$.

Câu 8: Trong các công thức phân tử sau công thức nào biểu diễn một đồng đẳng của CH_4 ?

- A. C_3H_6 B. C_2H_4 . C. C_4H_{10} D. C_4H_8 .

Câu 9: Phát biểu nào dưới đây không đúng?

- A. Phản ứng oxi hoá - khử là phản ứng trong đó xảy ra sự trao đổi electron.
B. Phản ứng oxi hoá - khử là phản ứng luôn xảy ra đồng thời sự oxi hoá và sự khử.
C. Phản ứng oxi hoá - khử là phản ứng trong đó có sự thay đổi số oxi hoá của một số nguyên tố.
D. Phản ứng oxi hoá - khử là phản ứng trong đó có sự thay đổi số oxi hoá của tất cả các nguyên tố.

Câu 10: Phương pháp điều chế khí clo trong công nghiệp là

- A. điện phân dung dịch NaCl có màng ngăn xốp. B. điện phân dung dịch NaCl .
C. điện phân dung dịch KCl có màng ngăn. D. cho HCl tác dụng với chất oxi hóa mạnh.

Câu 11: Thành phần của dung dịch NH_3 gồm

- A. NH_3 , NH_4^+ , OH^- B. NH_3 , H_2O
C. NH_4^+ , OH^- D. NH_4^+ , OH^- , H_2O , NH_3

Câu 12: Polime nào sau đây có cấu trúc mạng lưới không gian?

- A. Amilopectin. B. Amilozơ. C. Cao su lưu hoá. D. Cao su Buna.

Câu 13: Phản ứng nào sau đây chứng tỏ Fe^{2+} có tính khử yếu hơn so với Cu ?

- A. $\text{Fe} + \text{Cu}^{2+} \rightarrow \text{Fe}^{2+} + \text{Cu}$ B. $2\text{Fe}^{3+} + \text{Cu} \rightarrow 2\text{Fe}^{2+} + \text{Cu}^{2+}$
C. $\text{Fe}^{2+} + \text{Cu} \rightarrow \text{Cu}^{2+} + \text{Fe}$ D. $\text{Cu}^{2+} + 2\text{Fe}^{2+} \rightarrow 2\text{Fe}^{3+} + \text{Cu}$

Câu 14: Fomalin hay fomon (dùng để bảo quản xác động vật chống thối rữa)

là A. dung dịch HCHO 37%-40% về khối lượng trong nước.

B. rượu etylic 46°.

C. dung dịch HCHO 25%- 30% về thể tích trong nước.

D. dung dịch CH₃CHO 40% về thể tích trong nước.

Câu 15: Chọn sản phẩm chính cho phản ứng sau: $C_2H_5COOCH_3 \xrightarrow{LiAlH_4} A + B$. A, B là

A. C₃H₇OH, CH₃OH

B. C₂H₅OH, CH₃COOH

C. C₃H₇OH, HCOOH

D. C₂H₅OH, CH₃COOH

Câu 16: Điện phân 100 ml dung dịch CuSO₄ 1M với điện cực trơ, cường độ dòng điện là 5A trong thời gian 25 phút 44 giây thì dừng lại. Khối lượng dung dịch giảm sau điện phân là

A. 2,88 gam.

B. 3,84 gam.

C. 2,56 gam.

D. 3,2 gam.

Câu 17: Có bao nhiêu chất hoặc dung dịch sau đây cho phản ứng với nước brom: glucozơ, fructozơ, saccarozơ, mantozơ, ancol etylic, andehit axetic, axit fomic, axit benzoic, phenol và anilin?

A. 6

B. 5

C. 7

D. 8

Câu 18: Hợp chất hữu cơ X có công thức phân tử C₈H₁₁N, X tan được trong axit. Cho X tác dụng với HNO₂ tạo ra hợp chất Y có công thức phân tử C₈H₁₀O. Đun nóng Y với dung dịch H₂SO₄ đặc tạo ra hợp chất Z. Trùng hợp Z thu được polistiren. Số đồng phân của X thỏa mãn là

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

Câu 19: Một hỗn hợp gồm Al₂(SO₄)₃ và K₂SO₄, trong đó số nguyên tử oxi chiếm 20/31 tổng số nguyên tử có trong hỗn hợp. Hoà tan hỗn hợp trên vào nước rồi cho tác dụng với dung dịch BaCl₂ dư, hỏi khối lượng kết tủa thu được gấp bao nhiêu lần khối lượng hỗn hợp ban đầu:

A. 1,588 lần.

B. 1,788 lần.

C. 1,488 lần.

D. 1,688 lần.

Câu 20: Có 5 dung dịch riêng biệt là CuCl₂, FeCl₃, AgNO₃, HCl và HCl có lẫn CuCl₂. Nhúng vào mỗi dung dịch một thanh Fe nguyên chất. Số trường hợp xuất hiện ăn mòn điện hóa là

A. 4.

B. 2.

C. 1.

D. 3.

Câu 21: Đun nóng V lít hơi andehit X với 3V lít khí H₂ (xúc tác Ni) đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn chỉ thu được một hỗn hợp khí Y có thể tích 2V lít (các thể tích khí đo ở cùng điều kiện nhiệt độ, áp suất). Ngưng tụ Y thu được chất Z; cho Z tác dụng với Na sinh ra H₂ có số mol bằng một nửa số mol Z đã phản ứng. Chất X là andehit

A. no, hai chức.

B. không no (chứa một nối đôi C=C), hai chức.

C. no, đơn chức.

D. không no (chứa một nối đôi C=C), đơn chức.

Câu 22: Nhận biết các chất lỏng riêng biệt: ancol etylic, clorofom, benzen bằng 1 thuốc thử nào sau đây?

A. H₂O B. CuO C. Cu(OH)₂ D. Na **Câu 23:** Cách nào sau đây *không* điều chế được NaOH?

A. Điện phân dung dịch NaCl không có màng ngăn xốp.

B. Cho Na tác dụng với nước.

C. Điện phân dung dịch NaCl có màng ngăn xốp, điện cực trơ.

D. Cho dung dịch Ca(OH)₂ tác dụng với dung dịch Na₂CO₃.

Câu 24: Cho 7,1 gam P₂O₅ vào 100 ml dung dịch KOH 1,5M thu được dung dịch X. Cô cạn dung dịch X được hỗn hợp gồm các chất là

A. KH₂PO₄ và H₃PO₄.

B. KH₂PO₄ và K₂HPO₄.

C. KH₂PO₄ và K₃PO₄.

D. K₃PO₄ và K₂HPO₄.

Câu 25: Thực hiện 2 thí nghiệm:

- Thí nghiệm 1: Trộn KClO₃ với MnO₂, đun nóng để điều chế khí O₂.

- Thí nghiệm 2: Dung dịch HCl đặc, đun nóng với MnO₂ để điều chế khí Cl₂.

Nhận định nào sau đây đúng:

A. Thí nghiệm 1: MnO₂ đóng vai trò chất khử, Thí nghiệm 2: MnO₂ đóng vai trò chất oxi hóa.

B. Thí nghiệm 1: MnO₂ đóng vai trò chất xúc tác, Thí nghiệm 2: MnO₂ đóng vai trò chất oxi hóa.

C. Thí nghiệm 1: MnO₂ đóng vai trò chất oxi hóa, Thí nghiệm 2: MnO₂ đóng vai trò chất oxi hóa.

D. Thí nghiệm 1: MnO₂ đóng vai trò chất oxi hóa, Thí nghiệm 2: MnO₂ đóng vai trò chất khử.

Câu 26: Chỉ số iot đặc trưng cho số nối đôi trong các hợp chất không no (ví dụ chất béo...), là số gam iot cộng hợp vào 100 gam hợp chất hữu cơ. Chỉ số iot của triolein là

A. 28,730.

B. 8,620.

C. 86,20 .

D. 2,873.

Câu 27: Cho 28,2 gam hỗn hợp hai ancol đơn chức tác dụng hết với 11,5 gam Na, sau phản ứng thu 39,3 gam chất rắn. Nếu đun 28,2 gam hỗn hợp trên với H_2SO_4 đặc ở 140°C , thì thu được bao nhiêu gam ete?

- A. 23,7 gam B. 21,0 gam C. 24,6 gam D. 19,2 gam

Câu 28: Cho dãy các chất rắn sau: Al, NaHCO_3 , $(\text{NH}_4)_2\text{CO}_3$, NH_4Cl , Al_2O_3 , $\text{Zn}(\text{OH})_2$, $\text{Fe}(\text{OH})_3$, K_2CO_3 , CaCO_3 , AlCl_3 . Trong dãy trên bao nhiêu chất có thể vừa tan được trong dung dịch HCl, vừa tan được trong dung dịch NaOH?

- A. 8. B. 5. C. 6. D. 9.

Câu 29: X là este thuần chức có công thức đơn giản nhất là $\text{C}_3\text{H}_2\text{O}_2$. X được tạo bởi axit 2 chức, mạch hở và ancol no, 2 chức, mạch hở. Để hidro hóa hoàn toàn 1 mol X (xt Ni, t°) cần bao nhiêu mol H_2 ?

- A. 4 mol B. 3 mol C. 1 mol D. 2 mol

Câu 30: CH_3COOH không thể điều chế trực tiếp bằng cách

- A. lên men giấm.
B. oxi hóa CH_3CHO bằng O_2 (xúc tác Mn^{2+}).
C. metanol tác dụng với cacbon monoxit.
D. oxi hóa CH_3CHO bằng dung dịch $\text{AgNO}_3/\text{NH}_3$.

Câu 31: Cho 94,8 gam phèn chua ($\text{KAl}(\text{SO}_4)_2 \cdot 12\text{H}_2\text{O}$) tác dụng với 350 ml dung dịch chứa $\text{Ba}(\text{OH})_2$ 0,5M và NaOH 1M, sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn thì thu được m gam kết tủa. Giá trị m là

- A. 56,375 gam B. 48,575 gam C. 101,115 gam D. 111,425 gam

Câu 32: Cho khí H_2S tác dụng với các chất: dung dịch NaOH, khí clo, nước clo, dung dịch KMnO_4/H^+ , khí oxi dư đun nóng, dung dịch FeCl_3 , dung dịch ZnCl_2 , $\text{Pb}(\text{NO}_3)_2$, KClO_3 . Số trường hợp xảy ra phản ứng và số trường hợp trong đó lưu huỳnh bị oxi hóa lên S^{+6} là

- A. 8 - 1 B. 6 - 1 C. 9 - 3 D. 6 - 2

Câu 33: Hỗn hợp X gồm axetilen, etilen và hidrocarbon (A) khi cháy hoàn toàn thu được CO_2 và H_2O theo tỉ lệ mol 1:1. Dẫn X đi qua bình đựng dung dịch brom dư thấy khối lượng bình tăng lên 0,82 gam, khí thoát ra khỏi bình đem đốt cháy hoàn toàn thu được 1,32 gam CO_2 và 0,72 gam H_2O . % V của etilen trong X là

- A. 75,50 B. 33,33 C. 25,25 D. 50,00

Câu 34: Đốt cháy hoàn toàn 22 gam hợp chất hữu cơ X chỉ tạo ra 22,4 lít CO_2 (ở đktc) và 18 gam nước. Dưới tác dụng của LiAlH_4 thì một phân tử X chỉ tạo ra hai phân tử hợp chất hữu cơ Y. X là

- A. $\text{HOCH}_2\text{CH}_2\text{CHO}$ B. $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ C. $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$ D. $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$

Câu 35: Nguyên tử X có electron cuối cùng điền vào lớp M, ở trạng thái cơ bản có 3 electron độc thân. Điều nhận định nào sau đây đúng?

- A. X ở chu kì 4, nhóm VB. B. X ở chu kì 3, nhóm IIIA.
C. X ở chu kì 3, nhóm VA. D. X ở chu kì 4, nhóm VIIB.

Câu 36: Hỗn hợp X gồm SO_2 và O_2 có tỷ khối so với H_2 bằng 28. Lấy 4,48 lít hỗn hợp X (ở đktc) cho đi qua bình đựng V_2O_5 nung nóng. Hỗn hợp thu được lội qua dung dịch $\text{Ba}(\text{OH})_2$ dư thấy có 33,19 gam kết tủa. Hiệu suất phản ứng oxi hoá SO_2 là

- A. 75% B. 25% C. 94,96% D. 40%

Câu 37: Dãy nào sau đây chỉ gồm các chất có kiểu mạng tinh thể phân tử?

- A. iot, nước đá, kali clorua. B. than chì, kim cương, silic.
C. nước đá, naphtalen, iot. D. iot, naphtalen, kim cương.

Câu 38: Thực hiện phản ứng este hoá 2 mol $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ với 1 mol HCOOH ở nhiệt độ không đổi (xúc tác H_2SO_4 đặc) khi hệ cân bằng thu được 0,8 mol este. Ở cùng điều kiện trên, este hoá 1 mol $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$ và x mol HCOOH , khi hệ cân bằng thu được 0,7 mol este. Giá trị của x là

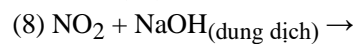
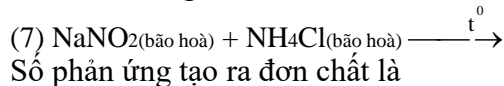
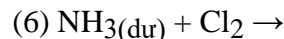
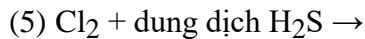
- A. 1,7500 B. 1,0000 C. 1,3125 D. 2,2250

Câu 39: Cho xenlulozo tác dụng với HNO_3 đặc (H_2SO_4 đặc) và bằng phương pháp thích hợp tách thu được 0,08 mol hai sản phẩm A và B có cùng số mol. Thành phần phần trăm khối lượng nitơ trong A và B lần lượt là 11,11 % và 14,14 %. Khối lượng của A và B là

- A. 8,28 gam và 10,08 gam B. 9,84 gam và 11,52 gam
C. 8,28 gam và 11,88 gam D. 10,08 gam và 11,88 gam

Câu 40: Cho các phản ứng:

- (1) $\text{O}_3 + \text{dung dịch KI} \rightarrow$ (2) $\text{F}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow$
(3) $\text{KClO}_3(\text{rắn}) + \text{HCl}(\text{đặc}) \rightarrow$ (4) $\text{SO}_2 + \text{dung dịch H}_2\text{S} \rightarrow$



A. 3.

B. 5.

C. 2.

D. 6.

Câu 41: Để xác định độ rượu của dung dịch rượu etylic (X) người ta lấy 10ml dung dịch X cho tác dụng với Na dư thu được 2,564 lít H_2 (ở đktc). Tính độ rượu của X, biết $d_{\text{CH}_3\text{OH}} = 0,8\text{g/ml}$, $d_{\text{H}_2\text{O}} = 1\text{g/ml}$?

A. 87,5⁰.B. 85,58⁰.C. 91,0⁰.D. 92,5⁰.

Câu 42: Người ta điều chế etyl axetat từ xenlulozơ và các chất vô cơ theo sơ đồ sau: xenlulozơ \rightarrow glucozơ \rightarrow ancol etylic \rightarrow axit axetic \rightarrow etyl axetat. Tính khối lượng xenlulozơ cần dùng để có thể điều chế được 1 mol etyl axetat. Biết hiệu suất chung của quá trình đạt 40%.

A. 405 gam

B. 202,5 gam

C. 810,0 gam

D. 506,25 gam

Câu 43: Tiến hành nhiệt phân hỗn hợp X gồm butan và heptan (tỉ lệ 1:2 về số mol) thì thu được hỗn hợp Y (Giả sử chỉ xảy ra phản ứng cracking ankan với hiệu suất 100%). Xác định khối lượng phân tử trung bình của Y (\overline{M}_Y)?

A. $\overline{M}_Y = 43$ B. $25,8 \leq \overline{M}_Y \leq 32$ C. $25,8 \leq \overline{M}_Y \leq 43$ D. $32 \leq \overline{M}_Y \leq 43$

Câu 44: Nung 8,42 gam hỗn hợp X gồm Al, Mg, Fe trong oxi sau một thời gian thu được 11,62 gam hỗn hợp Y. Hòa tan hoàn toàn Y trong dung dịch HNO_3 dư thu được 1,344 lít NO (ở đktc) là sản phẩm khử duy nhất. Số mol HNO_3 phản ứng là

A. 0,56 mol

B. 0,64 mol

C. 0,48 mol

D. 0,72 mol

Câu 45: Hỗn hợp X gồm phenol và anilin. Lấy m gam X tác dụng vừa đủ với 200 ml dung dịch HCl 1M thu được hỗn hợp Y. Cho hỗn hợp Y tác dụng hết với 500 ml dung dịch NaOH 1M, rồi cô cạn thấy còn lại 31,3 gam chất rắn khan. Giá trị của m là

A. 18,7

B. 28,0

C. 14,0

D. 65,6

Câu 46: Cho suất điện động chuẩn của các pin điện hoá: $E_{\text{Ni}^0 - \text{X}}^0 = 1,06\text{V}$; $E_{\text{Y}^0 - \text{Ni}}^0 = 0,50\text{V}$; $E_{\text{Ni}^0 - \text{Z}}^0 = 1,76\text{V}$ (X, Y, Z là các kim loại khác sắt). Khi điện phân dung dịch hỗn hợp muối nitrat của các kim loại X, Y, Z, Ni (điện cực trơ, có màng ngăn) thì các kim loại thoát ra ở catốt theo thứ tự (từ trái qua phải) là

A. X, Z, Y, Ni

B. Z, X, Y, Ni

C. Z, X, Ni, Y

D. X, Z, Ni, Y

Câu 47: Nung m gam hỗn hợp X gồm FeS và FeS_2 trong một bình kín chứa không khí (gồm 20% thể tích O_2 và 80% thể tích N_2) đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được chất rắn và hỗn hợp khí Y có thành phần thể tích: $\text{N}_2 = 84,77\%$; $\text{SO}_2 = 10,6\%$; còn lại là O_2 . Thành phần % theo khối lượng của FeS trong X là

A. 68,75%

B. 59,46%

C. 26,83%

D. 42,30%

Câu 48: Cho 17,9 gam hỗn hợp gồm Fe, Cu và Al vào bình đựng 200 gam dung dịch H_2SO_4 24,01%. Sau khi các phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 9,6 gam chất rắn và có 5,6 lít khí (ở đktc) thoát ra. Thêm tiếp vào bình 10,2 gam NaNO_3 , khi các phản ứng kết thúc thì thể tích khí NO (đktc, sản phẩm khử duy nhất) tạo thành và khối lượng muối trong dung dịch là

A. 2,688 lít và 59,18 gam.

B. 2,688 lít và 67,7 gam.

C. 2,24 lít và 56,3 gam.

D. 2,24 lít và 59,18 gam.

Câu 49: Cho m gam X gồm Fe, FeO, Fe_3O_4 , Fe_2O_3 vào 400 ml dung dịch HCl 2M, sau phản ứng thu được 2,24 lít H_2 (ở đktc), dung dịch Y, và 2,8 gam Fe không tan. Giá trị m là

A. 27,2

B. 30,0

C. 25,2

D. 22,4

Câu 50: Hai chất đồng phân A, B (A được lấy từ nguồn thiên nhiên) có chứa 40,45%C, 7,86%H; 15,73% N và còn lại là O. Tỷ khối hơi của chất lỏng so với không khí là 3,069. Khi phản ứng với NaOH, A cho muối $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2\text{NNa}$, còn B cho muối $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2\text{NNa}$. Nhận định nào dưới đây là sai?

A. A có tính lưỡng tính nhưng B chỉ có tính bazơ.

B. A là alanin, B là metyl amino axetat.

C. Ở t⁰ thường A là chất lỏng, B là chất rắn.D. A và B đều tác dụng với HNO_2 để tạo khí N_2 .

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT BẮC NINH
TRƯỜNG THPT HÀN THUYỀN
(Đáp án gồm 01 trang)

ĐÁP ÁN - ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA LẦN 2
NĂM HỌC 2015-2016
MÔN: HÓA HỌC - 12

Câu	Mã đề							
	136	209	360	487	573	642	724	895
1	C	A	C	A	C	D	B	A
2	B	C	B	A	B	B	D	A
3	C	C	C	B	C	C	D	B
4	D	C	B	A	C	A	B	D
5	A	A	B	B	B	A	A	D
6	A	A	B	D	C	B	C	B
7	A	D	D	A	A	A	C	D
8	C	D	D	C	A	C	C	C
9	D	A	C	A	A	C	C	C
10	A	A	A	D	A	C	A	B
11	D	C	A	D	D	A	D	D
12	C	A	D	D	D	D	D	B
13	B	A	D	C	A	D	B	B
14	A	D	A	D	C	D	D	A
15	A	B	C	D	D	B	B	C
16	D	A	A	A	C	C	C	D
17	A	D	A	B	B	A	D	A
18	B	B	D	D	B	A	D	B
19	D	B	D	D	C	C	A	A
20	D	B	C	C	A	D	D	D
21	D	C	A	C	B	D	A	A
22	A	D	C	A	A	D	D	C
23	A	B	B	C	A	B	D	D
24	B	D	A	A	A	D	D	C
25	B	C	A	B	D	A	D	A
26	C	C	B	D	A	D	B	D
27	C	A	D	C	B	D	B	D
28	A	D	D	B	D	B	B	C
29	D	B	D	A	B	B	C	C
30	D	D	B	B	A	B	C	C
31	B	D	A	A	C	C	A	D
32	A	D	C	A	C	A	A	B
33	D	B	A	C	B	D	A	B
34	B	C	B	B	A	B	B	B
35	C	B	D	D	A	D	A	C
36	D	D	A	C	B	D	C	C
37	C	A	B	B	D	C	B	A
38	C	C	D	D	D	B	A	C
39	D	C	D	B	C	A	C	A
40	D	D	B	A	C	C	D	D
41	B	D	C	B	D	A	C	C
42	A	C	D	D	B	B	B	A
43	C	B	D	B	D	B	A	C
44	B	B	C	C	C	A	D	B
45	B	A	C	C	B	C	B	D
46	C	C	C	C	A	C	C	A
47	B	B	B	C	D	D	C	C
48	B	C	A	B	D	C	A	B

49	B	A	B	A	D	A	B	B
50	C	B	C	A	B	B	A	A